

Số: /2026/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động báo chí; điều kiện, hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép xuất bản bản tin, xuất bản đặc san; lưu chiều bản tin, đặc san

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 237/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Báo chí;

Căn cứ Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Báo chí;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động báo chí; điều kiện, hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép xuất bản bản tin, xuất bản đặc san; lưu chiều bản tin, đặc san.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật Báo chí số 126/2025/QH15 bao gồm:

- Khoản 6 Điều 18 về hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo chí, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động báo chí;
- Khoản 3 Điều 48 về lưu chiều bản tin;

c) Khoản 6 Điều 48 về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin;

d) Khoản 3 Điều 49 về lưu chiều đặc san;

đ) Khoản 6 Điều 49 về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép xuất bản đặc san.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến hoạt động báo chí tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Cơ quan, tổ chức đề nghị thực hiện một số loại hình báo chí

1. Cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 Luật số 126/2025/QH15 có nhu cầu thực hiện một số loại hình báo chí gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại Điều 4 và Điều 8 Thông tư này.

2. Cơ quan báo chí đang thực hiện loại hình báo chí in và báo chí điện tử mà thời hạn có hiệu lực của giấy phép sắp hết, có nhu cầu tiếp tục hoạt động báo chí gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 3. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

1. Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính được quy định tại Thông tư này thông qua các cách thức sau đây:

a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;

b) Thông qua dịch vụ bưu chính;

c) Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp các loại giấy phép hoạt động báo chí quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 237/2026/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Báo chí, cơ quan cấp phép có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, cơ quan cấp phép phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin, giấy phép xuất bản đặc san, giấy phép sửa đổi, bổ sung, văn bản chấp thuận thay đổi các nội dung liên quan đến giấy phép hoạt động báo chí, giấy phép xuất bản bản tin, giấy phép xuất bản đặc san, cơ quan cấp phép có

trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác, cơ quan cấp phép phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Hết thời hạn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, trường hợp không có thông báo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản thì hồ sơ được tiếp nhận chính thức.

Chương II

CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ IN, GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ ĐIỆN TỬ

Điều 4. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử

1. Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử gửi 01 bộ hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ gồm có:

a) Đề án đề nghị cấp giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm báo in, tạp chí in, mẫu trình bày giao diện trang chủ báo điện tử, tạp chí điện tử (bản màu) có xác nhận của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Tài liệu chứng minh cơ quan chủ quản có số lượng hội viên chính thức tối thiểu là 150 người, có trụ sở ổn định từ 02 năm trở lên do cơ quan chủ quản bố trí hoặc thuê đối với cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép là tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử theo Mẫu số 01 đến Mẫu số 03 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 5. Hồ sơ, thủ tục đề nghị thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử

1. Trường hợp thay đổi địa điểm trụ sở chính, thư điện tử, thời gian phát hành, đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối Internet, cơ quan báo chí gửi thông báo

bằng văn bản đến Cục Báo chí và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan báo chí của địa phương) chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày thay đổi.

2. Trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí, tên gọi cơ quan báo chí, tên gọi ấn phẩm báo chí, tôn chỉ, mục đích, tên miền của báo chí điện tử, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Cục Báo chí sửa đổi, bổ sung giấy phép. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản báo chí; trong đó, thể hiện tên miền phù hợp với tên báo chí điện tử và việc sở hữu tên miền còn thời gian sử dụng tối thiểu 06 tháng tính từ thời điểm đề nghị (đối với trường hợp thay đổi tên miền);

b) Lý do thay đổi tôn chỉ, mục đích (đối với trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích);

c) Mẫu trình bày tên gọi cơ quan báo chí, mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm báo in, tạp chí in, mẫu trình bày giao diện trang chủ báo điện tử, tạp chí điện tử (bản màu) có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (đối với trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí, tên gọi cơ quan báo chí, tên gọi ấn phẩm báo chí).

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Cục Báo chí cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 04 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử, trừ những nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Cục Báo chí hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan báo chí của địa phương) chấp thuận. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí;

b) Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm báo in, tạp chí in (bản màu) dự kiến thay đổi có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (đối với trường hợp thay đổi hình thức trình bày, vị trí của tên gọi ấn phẩm báo chí);

Mẫu trình bày giao diện trang chủ của báo điện tử, tạp chí điện tử (bản màu) dự kiến thay đổi có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (đối với trường hợp thay đổi giao diện trang chủ, hình thức trình bày, vị trí tên gọi cơ quan báo chí).

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Cục Báo chí, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 6. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, giấy phép xuất bản phụ trương, giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử

1. Cơ quan báo chí có nhu cầu xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ về Cục Báo chí hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm có:

a) Đề án đề nghị cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm báo in, tạp chí in (bản màu) có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Cục Báo chí, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí theo Mẫu số 05 và Mẫu số 14 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cơ quan báo chí có nhu cầu xuất bản phụ trương, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ về Cục Báo chí hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm có:

a) Đề án đề nghị cấp giấy phép xuất bản phụ trương có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Mẫu trình bày tên gọi phụ trương (bản màu) có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Cục Báo chí, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản phụ trương theo Mẫu số 06 và Mẫu số 15 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Cơ quan báo chí có nhu cầu mở chuyên trang của báo chí điện tử, cơ quan chủ quản báo chí gửi 01 bộ hồ sơ về Cục Báo chí. Hồ sơ gồm có:

a) Đề án đề nghị cấp giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Mẫu trình bày giao diện trang chủ chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử (bản màu) có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Cục Báo chí cấp giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử theo Mẫu số 07 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 7. Hồ sơ, thủ tục đề nghị thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử, thông báo thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương

1. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí, cơ quan báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Cục Báo chí hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí; trong đó, nêu rõ lý do thay đổi tôn chỉ, mục đích có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí (đối với trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích);

b) Mẫu trình bày tên gọi ấn phẩm báo in, tạp chí in (bản màu) có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (đối với trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí, tên gọi cơ quan báo chí, tên gọi ấn phẩm báo chí; thay đổi hình thức trình bày, vị trí của tên gọi ấn phẩm báo chí).

2. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử, cơ quan báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Cục Báo chí hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan báo chí của địa phương) chấp thuận. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí; trong đó, nêu rõ lý do thay đổi tôn chỉ, mục đích có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí (đối với trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích);

b) Mẫu trình bày giao diện trang chủ chuyên trang của báo điện tử, tạp chí điện tử (bản màu) có xác nhận của cơ quan chủ quản báo chí theo Mẫu số 04 tại Phụ

lục I ban hành kèm theo Thông tư này (đối với trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan chủ quản báo chí, tên gọi cơ quan báo chí, tên gọi chuyên trang; hình thức trình bày, vị trí của tên gọi chuyên trang; thay đổi giao diện trang chủ của chuyên trang).

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Cục Báo chí, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương, cơ quan báo chí gửi thông báo bằng văn bản đến Cục Báo chí hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi. Nội dung thông báo như sau:

- a) Trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích, văn bản thông báo cần đánh giá việc thực hiện tôn chỉ, mục đích theo giấy phép xuất bản phụ trương, lý do thay đổi;
- b) Trường hợp thay đổi tên gọi, mẫu trình bày tên gọi phụ trương, văn bản thông báo kèm theo mẫu thay đổi (bản màu), bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với trường hợp thay đổi tên gọi phụ trương thể hiện bằng tiếng nước ngoài).

Chương III

CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH, GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRUYỀN HÌNH

Điều 8. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình

1. Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình gửi 01 bộ hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ gồm có:

- a) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh hoặc cấp Bộ; đối với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký;
- b) Đề án đề nghị cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Bộ Văn hóa,

Thẻ thao và Du lịch cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình theo Mẫu số 08 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 9. Hồ sơ, thủ tục đề nghị thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình

1. Trường hợp thay đổi ngôn ngữ thể hiện, đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình, loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình, địa điểm trụ sở chính, thư điện tử ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, cơ quan báo chí gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày thay đổi.

2. Trường hợp thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp Bộ gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chấp thuận. Cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (cấp tỉnh) gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản nêu rõ lý do thay đổi đối với cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh hoặc cấp Bộ; đối với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký;

b) Mẫu biểu tượng (bản màu) có xác nhận của cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh hoặc cấp Bộ; đối với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, bản màu biểu tượng phải do người đứng đầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật xác nhận.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích kênh chương trình, cơ quan, tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản nêu rõ lý do thay đổi đối với cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh hoặc cấp Bộ; đối với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký;

b) Đề án đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình theo Mẫu số 08 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan chủ quản, cơ quan báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung giấy phép. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản của cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh hoặc cấp Bộ; văn bản của Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, trong đó nêu rõ lý do thay đổi và cam kết chịu trách nhiệm pháp lý về các nội dung đề nghị thay đổi;

b) Trường hợp thay đổi về thời lượng truyền dẫn, phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất phải thực hiện báo cáo theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình theo Mẫu số 09 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 10. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước

1. Cơ quan báo chí có giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình có nhu cầu sản xuất thêm kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước gửi 01 bộ hồ sơ về Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí do người đứng đầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký;

b) Đề án đề nghị cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp đề nghị cấp giấy phép sản xuất nhiều kênh chương trình, cơ quan báo chí đề nghị cấp giấy phép phải làm đề án riêng đối với từng kênh chương trình.

2. Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước theo Mẫu số 10 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 11. Hồ sơ, thủ tục đề nghị thay đổi nội dung ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước

1. Trường hợp thay đổi ngôn ngữ thể hiện, đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình, loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp Bộ gửi thông báo bằng văn bản đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày thay đổi. Cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh gửi thông báo bằng văn bản đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày thay đổi.

2. Trường hợp thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp Bộ gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử chấp thuận. Cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận. Hồ sơ gồm có:

- a) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí nêu rõ lý do thay đổi;
- b) Mẫu biểu tượng (bản màu).

Đối với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, văn bản đề nghị và mẫu biểu tượng (bản màu) phải do người đứng đầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký, xác nhận.

Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng

văn bản theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp đề nghị thay đổi nội dung ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử sửa đổi, bổ sung giấy phép. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí nêu rõ lý do thay đổi và cam kết chịu trách nhiệm pháp lý về các nội dung đề nghị thay đổi do người đứng đầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký;

b) Trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích, cơ quan báo chí phải có Đề án đề nghị cấp giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trường hợp thay đổi về thời lượng truyền dẫn, phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất, cơ quan báo chí phải thực hiện báo cáo về thay đổi thời lượng truyền dẫn, phát sóng, thời lượng chương trình tự sản xuất của kênh chương trình theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những quy định ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước theo Mẫu số 11 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 12. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Cơ quan báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản chấp thuận và đề nghị cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh hoặc cấp Bộ; đối với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký, xác nhận;

b) Đề án biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình nước ngoài. Trường hợp văn bản thỏa thuận bằng tiếng nước ngoài phải dịch sang tiếng Việt và chứng thực đối với chữ ký người dịch.

2. Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 12 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 13. Hồ sơ, thủ tục đề nghị thay đổi nội dung ghi trong giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Trường hợp thay đổi số giấy phép hoạt động phát thanh, số giấy phép hoạt động truyền hình của cơ quan báo chí ghi trong giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp Bộ gửi thông báo bằng văn bản đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày thay đổi. Cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh gửi thông báo bằng văn bản đến Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày thay đổi.

2. Trường hợp thay đổi chủ sở hữu kênh, thể loại kênh, nội dung kênh, cơ quan báo chí thực hiện hồ sơ, thủ tục theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

3. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy phép, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cơ quan báo chí gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử sửa đổi, bổ sung giấy phép. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan báo chí nêu rõ lý do thay đổi và cam kết chịu trách nhiệm pháp lý về các nội dung đề nghị thay đổi. Đối với cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh hoặc cấp Bộ, văn bản phải có xác nhận của cơ quan chủ quản; đối với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, văn bản đề nghị phải do người đứng đầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký;

b) Trường hợp thay đổi về thời gian, thời lượng, khung truyền dẫn, phát sóng các nhóm chuyên mục đối với kênh chương trình nước ngoài không có thu phí bản quyền nội dung, cơ quan báo chí phải gửi kèm theo văn bản hợp pháp của

hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài xác nhận về những nội dung thay đổi và khung truyền dẫn, phát sóng kênh chương trình trong 01 tháng từ thời điểm không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 13 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương IV

CẤP GIẤY PHÉP XUẤT BẢN BẢN TIN, GIẤY PHÉP XUẤT BẢN ĐẶC SAN

Điều 14. Điều kiện cấp giấy phép xuất bản bản tin

1. Người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành đào tạo liên quan đến lĩnh vực hoạt động của cơ quan, tổ chức.

2. Hình thức bản tin:

a) Khuôn khổ tối đa của bản tin là 19cm x 27cm, số trang tối đa là 64 trang. Không được quảng cáo trong bản tin;

b) Phần trên của bìa một bản tin phải đề chữ “BẢN TIN”, tên của bản tin sau hoặc dưới chữ “BẢN TIN”, tên cơ quan, tổ chức xuất bản và ngày, tháng, năm xuất bản bản tin dưới tên của bản tin;

c) Trang bìa hai hoặc phần cuối của trang bìa cuối bản tin phải ghi số, ngày, tháng, năm của giấy phép, nơi in, số lượng, người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin.

Điều 15. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép, thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin

1. Cơ quan, tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở chính cấp giấy phép xuất bản bản tin. Hồ sơ gồm có:

a) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản bản tin theo Mẫu số 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này;

c) Mẫu trình bày tên gọi bản tin (bản màu) đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư này, bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài).

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản bản tin theo Mẫu số 16 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp thay đổi địa chỉ, điện thoại, đối tượng phục vụ, số lượng, thời gian phát hành, địa điểm xuất bản bản tin, phạm vi phát hành, chức vụ của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin, cơ quan, tổ chức gửi thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày thay đổi.

3. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở chính chấp thuận. Hồ sơ gồm có:

- a) Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức;
- b) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này (đối với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin);
- c) Mẫu trình bày tên gọi bản tin (bản màu) đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư này, bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với trường hợp thay đổi tên gọi bản tin thể hiện bằng tiếng nước ngoài).

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản theo Mẫu số 03 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 16. Điều kiện cấp giấy phép xuất bản đặc san

1. Người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san có trình độ đại học trở lên chuyên ngành báo chí hoặc có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực báo chí hoặc có tối thiểu 01 năm tham gia xuất bản các sản phẩm thông tin có tính chất báo chí.

2. Hình thức đặc san:

- a) Phần trên của bìa một đặc san phải đề chữ “ĐẶC SAN”, tên của đặc san sau hoặc dưới chữ “ĐẶC SAN”, tên cơ quan, tổ chức xuất bản và ngày, tháng, năm xuất bản đặc san dưới tên của đặc san;
- b) Trang bìa hai hoặc phần cuối của trang bìa cuối đặc san ghi rõ số, ngày, tháng, năm của giấy phép, nơi in, người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san.

Điều 17. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép, thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san

1. Cơ quan, tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Cục Báo chí (đối với cơ quan, tổ chức của trung ương, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam) hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương) cấp giấy phép xuất bản đặc san. Hồ sơ gồm có:

a) Tờ khai đề nghị cấp giấy phép xuất bản đặc san theo Mẫu số 02 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Mẫu trình bày tên gọi đặc san (bản màu) đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư này, bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với tên gọi đặc san thể hiện bằng tiếng nước ngoài).

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Cục Báo chí, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản đặc san theo Mẫu số 17 và Mẫu số 18 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan, tổ chức gửi thông báo bằng văn bản đến Cục Báo chí hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày thay đổi.

3. Trường hợp thay đổi tên gọi cơ quan, tổ chức xuất bản đặc san, tên gọi của đặc san, mục đích, nội dung xuất bản đặc san, người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san, cơ quan, tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Cục Báo chí hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị thay đổi của cơ quan, tổ chức;

b) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này (đối với trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san);

c) Mẫu trình bày tên gọi đặc san (bản màu) đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư này, bản dịch tiếng Việt được công chứng (đối với trường hợp thay đổi tên gọi đặc san thể hiện bằng tiếng nước ngoài).

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức, Cục Báo chí, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận bằng văn bản theo Mẫu số 03 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không chấp thuận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 18. Lưu chiếu bản tin, đặc san

1. Cơ quan, tổ chức nộp 03 bản bản tin cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính trong ngày phát hành.

2. Cơ quan, tổ chức của trung ương, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam nộp 03 bản đặc san cho Cục Báo chí trong ngày phát hành.

3. Cơ quan, tổ chức của tỉnh, thành phố nộp 03 bản đặc san cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong ngày phát hành.

4. Thời gian lưu trữ các bản bản tin, đặc san của cơ quan quản lý nhà nước về báo chí ở trung ương và địa phương là 24 tháng.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp các hồ sơ đã được tiếp nhận chính thức trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì cơ quan cấp phép tiếp tục xem xét hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san và Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cấp phép hoạt động và chế độ báo cáo đối với loại hình báo nói, báo hình được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT. Trường hợp cấp phép vào thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo mẫu giấy phép, chấp thuận quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan báo chí đã được cấp giấy phép hoạt động báo chí trước ngày Luật số 126/2025/QH15 có hiệu lực thi hành được tiếp tục hoạt động cho đến khi giấy phép hết hiệu lực.

3. Trường hợp khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, chức danh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được tiếp tục thực hiện bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT và Thông tư số 36/2016/TT-BTTTT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 24/2024/TT-BTTTT hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều sau đây:

a) Bãi bỏ khoản 2 Điều 2 và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Bãi bỏ khoản 4c Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Bãi bỏ Điều 4 Thông tư số 21/2025/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Hội Nhà báo Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở VH TTDL/Sở VH TT các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Các cơ quan báo chí;
- Bộ VH TTDL: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Cổng Thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, CBC, NTM (800).

Lâm Thị Phương Thanh